

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 10/5/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thọ.

2. Ông Đoàn Văn Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A – Sinh năm 1994 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú hiện nay: Vinhomes Ocean Park, xã Đ, huyện G, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: Ông A1 – Sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2022, nguyên đơn bà A trình bày có nội dung như sau:

Tôi (A) và ông A1 tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/10/2016, và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tôi và ông A1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng có những xung đột, cãi vã. Mặc dù chúng tôi đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được mâu thuẫn.

Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông A1.

- Về con chung: Tôi và ông A1 có một con chung là cháu K - sinh ngày 25/10/2015.

Hiện nay tôi đang đi làm xa, vì vậy nguyện vọng của tôi là giao cháu K cho ông A1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông A1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông A1 tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông A1 trình bày có nội dung như sau:

Tôi (A1) và cô A tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/10/2016.

Trong quá trình chung sống, tôi và cô A phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi vã, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đến nay chúng tôi đã sống ly thân và không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đồng ý ly hôn với cô A.

Về con chung: Tôi và cô A có một con chung là cháu K - sinh ngày 25/10/2015. Do cháu K hiện đang sống cùng với tôi nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu cô A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và cô A không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà A. Chấp nhận bà A được ly hôn với ông A1. Chấp nhận giao con chung cháu K - sinh ngày 25/10/2015 cho ông A1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ông A1 không yêu cầu bà A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Bà A và ông A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn ông A1. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà A và bị đơn ông A1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông A1 đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/10/2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 140). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà A và ông A1 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vì vậy, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A1. Quá trình làm việc tại Tòa án, ông A1 có ý kiến trình bày đồng ý ly hôn với bà A.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Sau khi kết hôn, bà A và ông A1 chung sống tại Thôn Y, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên chỉ chung sống một thời gian ngắn thì bà A và ông A1 phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Bà A về nhà mẹ đẻ tại huyện P, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho ly hôn với ông A1 thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông A1 là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà A xin ly hôn với ông A1, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà A và ông A1 có một con chung là cháu K - sinh ngày 25/10/2015. Ông A1 có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi trưởng thành, do hiện nay cháu K đang sinh sống cùng với ông A1. Đồng thời, bà A cũng có nguyện vọng giao cháu K cho ông A1 trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K cho ông A1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông A1 không yêu cầu bà A có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi cháu K.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông A1 không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà A đối với ông A1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông A1.

Về con chung: Giao con chung cháu K - sinh ngày 25/10/2015 cho ông A1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà A, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông A1 không yêu cầu bà A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu K.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông A1 không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Bà D nộp thay), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012200 ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã H, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương